

SAFETY JOGGER INDUSTRIAL

Light

LIGERO2 S1P LOW **S1 PS**

LIGERO2S1P

Giày th ể **thao** nh ẹ

Giày bảo h ộ LIGERO2 S1P là m ộ giày trong h ộ m g nhất
rư ệ gi h ợp cho các công giày siêu nh ẹ làm t ừ vật l iệu
ay bảo h ộ nano carbon không có kim l ở Nó cũng có thể thoáng khí và lót giày
có th i ể tháo r ở

Những vật liệu cao cấp lót may	D
lót bên trong	i tái chế lưới
trong	Đ ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa	đế g i không dệt và chống thủng
ngoài	Đ PU
u	Đứng đầ Nanocarbon
i	Loạ S1 PS / SR, SC, FO, CI, ESD
	Phạm vi kích thước EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng thép	0.465 kg
ẩn hóa u chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024

CO_2 7.01 kg



NAV



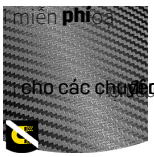
ORA



BLK



SRC
Rước là m trong những tính n giày an toàn và giày bảo h ch ng t qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.



Kim l
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên gia



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ c giúp bạn lâu hơn.



Mũi giày an toàn bằng **nano-carbon**
Vật liệu công nghệ cao siêu nh siêu l không có kim l



Trọng lượng nhẹ chống **đâm** thủng
Đ chống đâm thủng. Bao phủ 100% này không có kim l



SJ BỘ
lót chân T chống tính m có thể tháo rời
gót chân và bàn Thoáng khí và hút ẩm.

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
Biên t ập , lĩnh vự c ô tô, phục vụ ăn uố n g, Ngành công n ghiệ p , hậ

ường: **Môi** t
ru ờn g mộ i khô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằ m phẳ cá ph hà mị Khô trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ết ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật lt **máy** D **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ấm ới ơ	? 0.8		4.2	ời	mg/cm/g
	Top: h ệ số ới ơ	? 15		37.6		mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ó					
	L ớp **lót:** ấm ới ơ	? 2		41.3	ời	mg/cm/g
	lót: h ệ số ới ơ	? 20		330.2		mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài	Đ **PU**					
	Ch ố n ảm ến ế ngoài (mài mòn)	? 150		103		mm
	Chư ố ợ c ốt bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt **gót** v ề phía t	? 0.31		0.38		ma sát
	ru Ợt ố ả G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36		0.39		ma sát
	ru Ợt SR G ố m + Glycerin - Trư ợt **gót** phía t	? 0.19		0.24		ma sát
	Chư ố ợ SR G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22		0.27		ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		56.5		megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100		67		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ g ót chân ủ	? 20		29		J
Đ ứ n g đầ **Nanocarbon**						
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A		N/A		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A		N/A		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14		17		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14		22.0		mm

kích thước thép: 42

a chú ôi khô ó ế ê à ã hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không ợ sao chép ướ dạng nào mà không ép ằ ủ

hân sinh Đ **thái:**

	Sự **miêu** t ả	ết ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO phát** thả					
	V ật l iệu		4.74		kg
	Bao bì		0.12		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			7.01 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ết ả	K u	q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế				
	Product		19%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
ị ượ à tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng cách công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.